

Số: 205/NQ-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 09 tháng 11 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên
Quý III/2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-HĐQTCSTB ngày 25/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-HĐQTCSTB ngày 25/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc ban hành Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP Cao su Tân Biên;

Căn cứ văn bản số 202/BB-HĐQTCSTB ngày 06/11/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (đã được các thành viên HĐQT cho ý kiến tán thành),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo 1047/BC-CSTB ngày 30/10/2018 của Tổng Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Với kết quả một số nội dung chính như sau:

Tổng sản lượng cao su khai thác được 4.911 tấn cao su quy khô so với kế hoạch 7.400 tấn đạt 66,37% kế hoạch năm.

Tổng sản lượng cao su chế biến được 5.706 tấn đạt 70,11% kế hoạch năm (8.140 tấn).

Tổng sản lượng cao su tiêu thụ được 9.686 tấn cao su các loại, đạt 90,52 % so với kế hoạch năm (10.700 tấn).

Kết quả kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	336.245.362.846
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	336.245.362.846
4 Giá vốn hàng bán	289.682.193.523
5 Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	46.563.169.323
6 Doanh thu hoạt động tài chính	7.210.459.322
7 Chi phí hoạt động tài chính	418.215.390



Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban KS Cty;
- CD Công ty;
- Lưu: VT.

Điều 2. Thông nhất thông qua Báo cáo quyết toán tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2018 (đã được đăng công bố thông tin trên trang web Công ty).

Điều 3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết này./.

Trong đó: chi phí lãi vay	
8	Chi phí bán hàng
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}
11	Thu nhập khác
12	Chi phí khác
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	223.057.667
	3.476.764.149
	22.105.950.893
	27.772.698.213
	214.019.723.639
	3.362.424.414
	210.657.299.225
	238.429.997.438
	43.905.713.049
	194.524.284.389
	2.212